

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUỶ NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST  
Ngày: 02-5-2018  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Lý,

Bà Nguyễn Thị Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn K, sinh năm 1982; địa chỉ: Đội 3, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng;

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1986; địa chỉ: Đội 7, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Vũ Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: Đội 2, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Anh Vũ Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Đội 2, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; hiện nay đang chấp hành án tại Phân trại số 3, trại giam Xuân Nguyên, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

*Người đại diện theo ủy quyền của Bà Vũ Thị N:* Anh Vũ Văn K (văn bản uỷ quyền ngày 07 tháng 3 năm 2018).

Anh Vũ Văn K có mặt; chị Trần Thị Thu H, bà Vũ Thị N và anh H vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2017 của nguyên đơn là anh Vũ Văn K và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Anh là con nuôi của bà Vũ Thị N, chị H là bạn gái của anh Vũ Văn H (anh H là con của bà N). Anh làm thầu xây dựng, khoảng thời gian năm 2013 - 2014 anh nhiều lần gửi bà N tiền do tiết kiệm được với mục đích nhờ bà N giữ hộ để sau này xây nhà, tổng số tiền anh gửi bà N là hơn 400.000.000 đồng. Vào chiều ngày 08 tháng 3 năm 2015 âm lịch bà N có gọi điện thoại cho anh nói chị H muốn vay 100.000.000 đồng và hỏi anh có đồng ý cho vay không. Anh có nói với bà N là đồng ý cho chị H vay và bảo bà N phải làm giấy cẩn thận, bà N trực tiếp đưa 100.000.000 đồng của anh gửi cho chị H vay. Khoảng 03 đến 04 tháng sau anh đến nhà bà N thì bà N đưa giấy vay nợ có chữ ký của chị H cho anh xem và thỏa thuận thời hạn vay 01 năm tính từ ngày 08 tháng 3 năm 2015 âm lịch, lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, anh đã nhận được 03 tháng tiền lãi do bà N đưa. Nay đã quá thời hạn vay, đòi nhiều lần chị H không trả nên anh yêu cầu chị H phải trả cho anh 100.000.000 đồng, không yêu cầu thanh toán tiền lãi.

Lời khai trong quá trình xét xử vụ án, bị đơn Trần Thị Thu H trình bày: Chị là bạn gái của anh H (anh H là con của bà N), vào thời gian đầu năm 2015 do cần tiền nên chị hỏi bà N vay 100.000.000 đồng. Bà N nói tiền của anh K gửi nhờ giữ hộ. Tại thời điểm vay tiền, chị không có nhà và có điện thoại cho bà N bảo với bà N là đưa 100.000.000 đồng cho anh H vay, anh H là người nhận tiền từ bà N. Khoảng 01 tháng sau chị về gặp bà N, bà N cho biết tiền đó là của anh K nhờ giữ hộ và nói chị viết giấy nhận nợ. Do tin tưởng nên chị đã đồng ý viết giấy vay nợ anh K 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm tính từ ngày 08 tháng 3 năm 2015 âm lịch, lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, chị đã gửi tiền lãi cho bà N được 10 tháng nhưng đều không viết giấy biên nhận; chị H khẳng định chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền là của chị. Về số nợ gốc, anh H đã trả đầy đủ cho bà N nhưng không hủy giấy vay nợ nên việc anh K khởi kiện đòi 100.000.000 đồng, chị H không đồng ý.

Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Vũ Thị N trình bày: Chiều ngày 08 tháng 3 năm 2015 âm lịch chị H đến nhà và hỏi bà “cô cho cháu vay 100.000.000 đồng để làm ăn” bà có nói với chị H (lúc đó có cả anh H) là tiền của anh K gửi, để bà hỏi anh K xem có đồng ý không. Bà N đã điện thoại nói với anh K là “H muốn vay 100.000.000 đồng, có đồng ý cho vay không”, anh K nói với bà đồng ý cho vay nhưng dặn bà phải viết giấy cẩn thận. Sau khi nói chuyện xong, bà nói với chị Hn là anh K đồng ý cho vay, chị H nói với bà “cô đưa giấy cho cháu để cháu viết giấy vay nợ”. Bà N đã đưa giấy và chị H tự tay viết giấy vay nợ anh K 100.000.000 đồng, viết giấy xong bà đưa 100.000.000 đồng cho chị H, thời điểm này anh H chưa cưới chị H. Chị H có đưa cho bà tiền lãi là 3.000.000 đồng/tháng, đưa tháng nào bà đưa cho anh K tháng đó và đã nhận của chị H ba đến bốn tháng tiền lãi. Thời gian gần đây, do anh K xây nhà cần tiền, bà đã hỏi chị H nhiều lần nhưng chị H không trả. Bà có quan điểm yêu cầu chị H trả nợ cho anh K.

Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Vũ Văn H trình bày: Đầu năm 2015 chị H cần tiền ra nước ngoài thăm người thân nên nói với anh là “Mẹ có tiền không”, ý hỏi là bà N có tiền không để vay. Anh nói với chị H là không biết và bảo chị H hỏi bà N, anh không biết chị H nói với bà N thế nào nhưng sau này được biết bà N đã đưa cho chị H vay 100.000.000 đồng, đây là tiền của anh K gửi bà N để sau này xây nhà. Anh biết bà N còn bảo chị H hỏi anh K trước khi cho vay, việc các bên làm giấy tờ và thỏa thuận thế nào anh không biết, chị H sử dụng toàn bộ số tiền vay. Nhiều lần bà N nhắc anh bảo chị H trả tiền cho anh K, anh có bảo chị H trả nhưng chị H nói chờ tiền của chị gái gửi từ nước ngoài về mới có trả, sau này trả không thì anh không biết, tiền chị H vay trước thời điểm anh chị cưới nhau. Nay được biết chị H chưa trả, anh K khởi kiện, quan điểm của anh H là yêu cầu chị H trả nợ cho anh K.

Về chứng cứ thể hiện như sau: Bản gốc Giấy vay tiền do anh K giao nộp cho Tòa án ghi: “Tôi tên là: Trần Thị Thu H - đội 7 - C - TN - HP. Có vay của anh: Vũ Văn K nhà đội 3 - C - TN - HP: Số tiền là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu vn đồng). Tôi hẹn sau 1 năm trả tính từ ngày 8-3 âm lịch năm 2015. Nếu có gì sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ngày 8/3/2015. Người vay ký: Trần Thị Thu H”.

*Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn và bà N đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn và anh H chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 116, 120, 280, 351, 357, 463, 466, 468, 470 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Trần Thị Thu H phải thanh toán, trả cho anh Vũ Văn K số tiền 100.000.000 đồng, theo Giấy vay tiền ngày 8/3/2015; chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thu H và anh Vũ Văn H đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Huyền và anh H.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Sự thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về số tiền vay nợ 100.000.000 đồng thuộc trường hợp không phải chứng minh, căn cứ Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật.

[3] Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Do quá thời hạn thỏa thuận trả nợ, nhưng chị H không trả; chị H không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh H có sử dụng một phần tiền vay; tại thời điểm vay tiền, chị H và anh H chưa chung sống với nhau nên đây không phải là khoản vay chung trong thời kì hôn nhân. Vậy yêu cầu của anh K buộc chị H phải có nghĩa vụ trả cho anh toàn bộ số tiền vay 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các điều 471, 474 và 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 463, 466 và khoản 2 Điều 470 của BLDS năm 2015. Đối với khoản tiền lãi, anh K không yêu cầu nên không xét giải quyết. Chị H không yêu cầu giải quyết quan hệ về tài sản với anh H đối với số tiền chị H vay của anh K nên không xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 92, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 471, 474 và 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 463, 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Trần Thị Thu H phải thanh toán, trả cho anh Vũ Văn K số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 8/3/2015.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.000.000 (Năm triệu đồng). Trả lại cho anh Vũ Văn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008597 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Văn Dũng**